

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST

Ngày 23 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Ông Thạch Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngộ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23A/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hải A**, (tên gọi khác: Huỳnh Hải A), sinh ngày 14/8/1992 tại Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú: Số A đường Ng, Khu phố B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Kim S, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H (chết); tiền sự: Không; tiền án: 02, tại bản án số 62/2011/HSST ngày 21/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử và xử phạt 02 năm tù về tội “*Giao cấu với trẻ em*”, tại bản án số 43/2012/HSPT ngày 27/3/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử và xử phạt 03 tháng 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Cướp giật tài sản*” và tổng hợp hình phạt của 02 bản án bị cáo phải chấp hành là 05 năm 06 tháng tù; nhân thân: ngày 17/4/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử và xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” đã xóa án tích; bị khởi tố bị can ngày 25/11/2017, đến ngày 27/11/2017 bị bắt tạm giam đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lý Kim Phước là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu, (có mặt)

Bị hại:

1. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967; trú tại Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin vắng mặt).

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1987; trú tại: Ấp P, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin vắng mặt).

3. Anh Ông Văn M, sinh năm 1980; trú tại: Ấp R, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 22/11/2017, bị cáo Nguyễn Hải A nảy sinh ý định vào bệnh viện đa khoa Bạc Liêu thuộc khóm X, phường Y, thành phố B lấy trộm tài sản của bệnh nhân và những người nuôi bệnh. A đi đến tầng 2, khoa Nhi thấy cửa buồng bệnh E không khóa và những người trong buồng đã ngủ nên mở cửa đi vào lấy 01 điện thoại di động hiệu S.Mobile-Hummer, loại bàn phím, màu đen của anh Ông Văn M để trên nền gạch. Sau đó, Nguyễn Hải A tiếp tục đi xuống buồng bệnh tiền sản A, khoa Sản thấy không có đóng cửa và những người trong buồng bệnh ngủ say. Lúc này, A thấy trong túi quần của anh Trần Văn T có để 01 điện thoại di động hiệu FPT màu vàng, loại cảm ứng nên đi vào lấy trộm.

Sau khi lấy được 02 điện thoại A tiếp tục đi đến buồng Bông thuộc khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình, thì thấy trên giường bệnh số 28 của bà Huỳnh Ngọc Ch, có để 01 túi xách, màu đen nên mở cửa sổ, chồm người vào định lấy trộm thì bị ông Phạm Văn Th (chồng bà Ch) phát hiện và truy hô. A bỏ chạy thì bị lực lượng Công an thành phố B bảo vệ bệnh viện bắt giữ đưa về làm việc. Tang vật thu giữ gồm: 01 túi xách bằng da, màu đen bên trong có số tiền 3.015.000 đồng; 01 đôi tất chân, 01 khẩu trang màu tím, 01 khẩu trang y tế; 01 điện thoại di động hiệu FPT; 01 điện thoại di động hiệu S.Mobile-Hummer và số tiền 1.053.000 đồng.

Quá trình cơ quan điều tra làm việc bị cáo Nguyễn Hải A khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố nhưng bị cáo xác định không lấy trộm túi xách nữ màu đen của ông Phạm Văn Th.

Những người bị hại xác định đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, về hình phạt yêu cầu xét xử theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 153/KL-HĐĐGTS ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định:

1./ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT, loại cảm ứng, màu vàng số IMEI: 980030008262355; 980030008312853, tỷ lệ còn lại thực tế của điện thoại là 85%. Giá trị thành tiền còn lại của điện thoại là 1.360.000 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

2./ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu S, Mobile-Hummer, loại bàn phím, màu đen, không có ốp lưng, số IMEI 1: 35475270609514, số IMEI 2: 354752070609514; số IMEI 3: 354752070609514, tỷ lệ còn lại của điện thoại là 75%. Giá trị thành tiền còn lại của điện thoại là 285.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

3./ 01 (một) túi xách nữ bằng da, màu đen không ghi nhãn hiệu, tỷ lệ còn lại của túi xách là 60%. Giá trị thành tiền còn lại của túi xách là 96.000 đồng (Chín mươi sáu ngàn đồng)

Bị cáo, những người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn.

Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn Hải A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hải A, bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích lại có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản là 4.756.000 đồng, trong đó bị cáo A phạm tội chưa đạt đối với số tiền 3.111.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; do bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm g, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Hải A (Huỳnh Hải A) mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Các tài sản bị chiếm đoạt đã được trả cho bị hại, số tiền 1.053.000 đồng thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cơ quan điều tra đã trả cho bị cáo nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hải A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hải A trình bày: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Hải A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản bị cáo lấy trộm đã được trả cho người bị hại, đối với tài sản là chiếc túi xách của ông Phạm Văn Th, bị cáo phạm tội chưa đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xét xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Hải A giữ nguyên các lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra, thừa nhận có hành vi trộm tài sản của ông T, ông M nhưng bị cáo xác định chỉ đứng bên ngoài của sổ phòng Bông 1 chưa nhào người vào nên không biết, không nhìn thấy tài sản là chiếc túi xách màu đen của ông Th; bị cáo thống nhất với lời bào chữa của luật sư và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình truy điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các nhân chứng anh Trương Thành Vương, anh Võ Chánh Trực, lời khai của bị hại Phạm Văn Th, Ông Văn M, Trần Văn T cơ sở xác định khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/11/2017, tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu, bị cáo Nguyễn Hải A có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu S.Mobile-Hummer lại bàn phím màu đen của anh Ông Văn M, 01 điện thoại di động hiệu FPT màu vàng loại cảm ứng của anh Trần Văn T và 01 túi xách da màu đen trong có 3.015.000 đồng của ông Phạm Văn Th. Khi bị cáo đang chồm người định lấy trộm túi xách màu đen của ông Th thì bị ông Th phát hiện truy hô và bị bắt quả tang. Theo kết luận định giá của cơ quan chuyên môn các tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 4.756.000 đồng.

Tuy bị cáo không thừa nhận việc lấy trộm tài sản của ông Th, bà Ch, tại phiên tòa bị cáo xác định chỉ chạm tay vào cửa sổ phòng Bồng 1, chưa mở cửa phòng và không nghe ai truy hô nhưng lời khai của ông Trương Thành V, ông Võ Chánh T là người không có mâu thuẫn với bị cáo xác định nhìn thấy bị cáo chồm người qua cửa sổ buồng Bồng 1; lời khai của ông V, ông T phù hợp với lời khai của người bị hại là ông Th xác định nhìn thấy bị cáo A chồm người qua cửa sổ, đưa tay về phía túi xách màu đen của ông Th để trên giường bệnh nên có đủ cơ sở xác định ý định chiếm đoạt tài sản của bị cáo A. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố là có căn cứ.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nhất là trong tình hình hiện nay các vụ án liên quan đến các đối tượng vào bệnh viện trộm cắp tài sản của người bệnh và người nuôi bệnh ngày càng tăng; bị cáo là người đã thành niên, không bị hạn chế về tinh thần, thể chất có khả năng lao động tạo ra của cải vật chất phục vụ cho cuộc sống, bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của công dân bị pháp luật ngăn cấm, nhưng vì mục đích vụ lợi bị cáo bất chấp; thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần phải xử lý

ng nghiêm, có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo đã từng bị xét xử 02 lần về các tội xâm phạm quyền sở hữu công dân đáng lẽ bị cáo phải sửa chữa làm người có ích cho xã hội nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội cần phải xử nặng như mức hình phạt kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

Tuy nhiên, quá trình điều tra thể hiện sự ăn năn hối cải, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho bị cáo; đối với hành vi bị cáo Nguyễn Hải A trộm tài sản của ông Phạm Văn Th, do ông Th truy hô bị cáo chưa thực hiện được hành vi phạm tội đến cùng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 18, Điều 52 với số tiền 3.111.000 đồng (3.015.000 đồng tiền mặt + 96.000 đồng giá trị túi xách). Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” theo quy định tại khoản điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Như đã nhận định trên, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo.

Đối với việc tố giác của chị Nguyễn Ngọc D, bị mất số tiền 696.000 đồng, qua điều tra chưa đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Hải A lấy trộm nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Phạm Văn Th, anh ông Văn M, anh Trần Văn T không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra xử lý trả vật chứng là các tài sản bị cáo A chiếm đoạt cho người bị hại, trả số tiền 1.053.000 đồng thu giữ của bị cáo A không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản cho bị cáo là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hải A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 18; khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải A (tên gọi khác: Huỳnh Hải A) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải A (tên gọi khác: Huỳnh Hải A) 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/11/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết do bị hại không yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hải A (tên gọi khác: Huỳnh Hải A) phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bản án hình sự sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP B;
- CQ Điều tra CA TP B;
- NTG Công an TP B;
- Chi Cục THA.DS TP B;
- Bị cáo;
- Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có);
- Lưu.

Lâm Thị Tuyết Anh